TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1037/**2017/KDTM-PT
Ngày: 21/11/2017
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Ngọc Anh.

Bà Hà Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30/10 và ngày 21/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2017/TLPT-KDTM ngày 13/9/2017 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án sơ thẩm số 103/2017/KDTM-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 853/2017/QĐ-PT ngày 09/10/2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty CP T.

Địa chỉ: 18 R1, xã T1, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tô K1, chức danh: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Thế T2; Địa chỉ liên hệ: 122/13 P1, Phường 15, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền số 02/2016/TSH-UQ ngày 19/4/2016.

2. Bị đơn: Ông Võ Thành T4 – Chủ doanh nghiệp tư nhân S. Trụ sở: 288B A1, Phường B2, Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 26/44 (số mới: 662/24) S1 nối dài, Phường M0H, Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 356 L1, Phường S22, Quận S22, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hùng; Địa chỉ: 26/44 (số mới: 662/24) S1 nối dài, Phường M0H, Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền số 135/GUQ-DN ngày 15/10/2017.

3. Người kháng cáo: Ông Võ Thành T4 – Chủ doanh nghiệp tư nhân S.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

- Đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2011- 2015, Công ty CP T (Sau đây gọi tắt là Công ty T - Bên bán) và ông Võ Thành T4 - Chủ doanh nghiệp tư nhân S (sau đây gọi tắt là S - Bên mua) đã nhiều lần giao nhận hàng hóa (Theo Phiếu nhập kho của bên mua) vớ cotton và vớ da các loại theo đơn đặt hàng (Bằng Fax, thư điện tử) và bảng báo giá (Theo Bảng kê chi tiết hoặc Bảng báo giá) tại từng thời điểm. Quá trình mua bán, giữa hai bên có ký hợp đồng như sau:

Hợp đồng ký năm 2011 có hiệu lực đến ngày 31/12/2012: Tại Văn phòng đại diện Quận S22 - Chủ doanh nghiệp ông Võ Thành T ký Hợp đồng số 040811/HĐMB-TSH-NVC (không ghi ngày), tiền hỗ trợ trưng bày 320 triệu đồng; Nhà sách Nguyễn Văn Cừ - Kế toán trưởng bà Võ Đặng Nga M1 ký Hợp đồng số 130911/HĐMB-TSH-NVC ngày 13/9/2011, tiền hỗ trợ trưng bày 10 triệu đồng.

Hợp đồng ký năm 2014 có hiệu lực đến ngày 31/12/2015, và kéo dài thêm 03 tháng, tiền hỗ trợ trưng bày sáu triệu đồng: Nhà sách Huyện Bình Chánh - Giám đốc Chi nhánh ông Nguyễn Văn H1 ký Hợp đồng số 040314/HĐMB-TSH-NVC ngày 04/3/2014; S - Chủ doanh nghiệp ông Võ Thành T4 ký Hợp đồng không số, không ngày với cùng nội dung.

Các hợp đồng quy định thời hạn thanh toán 45 ngày sau khi xuất hóa đơn GTGT và nhận hàng (Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt), chiết khấu 25%, khoản hỗ trợ trưng bày phải hoàn trả khi thanh lý (Hợp đồng chỉ có chữ ký ở trang cuối, không ký giáp lai các trang).

Thực hiện hợp đồng, hàng được giao liên tục từ năm 2011 cả khi không có hợp đồng, ký nhận hàng tại kho các cửa hàng của bên mua, đợt cuối cùng giao hàng vào ngày 19/3/2015 thì ngưng.

Nguyên đơn đã ký công nợ với từng cửa hàng và ký bảng tổng hợp công nợ đến ngày 30/11/2015 (Ký tháng 12/2015), như sau: Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ Quận S22 có bà Nguyễn Thị Cẩm T2 xác nhận nợ 34.100.897 đồng, theo bảng tổng hợp nợ 125.171.423 đồng; Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ 1 bà Huỳnh Kim P1 xác nhận nợ 10.339.007 đồng, theo bảng tổng hợp nợ 10.338.999 đồng (Bà Vi Thị Ngọc V1 xác nhận nợ; Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ 3 bà Phạm Như N1 xác nhận nợ 49.384.059 đồng, theo bảng tổng hợp nợ 49.384.059 đồng; Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ 3/2 bà Trần Thị Ngọc T2 xác nhận nợ 13.297.509 đồng, theo bảng tổng hợp nợ 13.297.509 đồng; Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ A1 bà Phạm Như N1 xác nhận nợ 5.940.013 đồng, theo bảng tổng hợp nợ 5.940.013 đồng; Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ Bình Thạnh theo bảng tổng hợp nợ 12.630.982 đồng (Bà Thu xác nhận nợ); Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ Quận 12 bà Vi Thị Ngọc V1 xác nhận nợ 6.799.505 đồng, theo bảng tổng hợp 6.799.505 đồng (Bà Vi Thị Ngọc V1 xác nhận nợ); Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ Bình Chánh, bà Huỳnh Kim P1 xác nhận nợ 6.799.505 đồng, theo bảng tổng hợp 6.799.505 đồng (Bà Vi Thị Ngọc V1 xác nhận nợ); Cửa hàng Nguyễn Văn Cừ Bình Triệu, bà Trần Thị Ngọc T2 xác nhận nợ 12.600.982 đồng. Công ty T có nhiều văn bản yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân S thanh toán tiền hàng nhưng Doanh nghiệp tư nhân S không phản hồi.

Đơn khởi kiện ngày 19/4/2016 của nguyên đơn yêu cầu ông Võ Thành T4 – Chủ doanh nghiệp tư nhân S thanh toán tiền mua hàng còn thiếu 409.424.756 đồng. Trong đó nợ gốc là 383.536.072 đồng và nợ lãi phát sinh chậm trả theo hợp đồng (1.5 x 9%/năm) tạm tính từ 30/11/2015 đến ngày 30/3/2016 là 25.888.684 đồng.

Trong khi Tòa án giải quyết đại diện bị đơn không thừa nhận số nợ và yêu cầu đối chiếu lại, sau khi đối chiếu lại toàn bộ hóa đơn, chứng từ đã lập Bảng tổng hợp công nợ ngày 10/01/2017, phía Doanh nghiệp tư nhân S có bà Phan Thị Hải A2 kế toán trưởng (Do ông Võ Thành T4 không đến) ký xác nhận nợ tính đến ngày 31/12/2016 số tiền là 230.361.995 đồng. Ngày 23/01/2017 bị đơn thanh toán 10.286.945 đồng. Đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 08/3/2017 của Công ty T yêu cầu ông Võ Thành T4 – Chủ doanh nghiệp tư nhân S thanh toán nợ mua hàng 220.075.050 đồng và tiền lãi là 89.974.759 đồng chậm thanh toán tính đến ngày 30/01/2017. Đến ngày 20/3/2017 thanh toán được 10.310.000 đồng, ngày 24/4/2017 thanh toán 10.171.000 đồng, ngày 22/5/2017 thanh toán 10.387.000 đồng, ngày 21/6/2017 thanh toán 10.337.000 đồng, ngày 26/7/2017 thanh toán 14.212.425 đồng. Tổng cộng thanh toán 65.704.370 đồng. Nên nợ gốc còn 164.657.625 đồng.

Về tiền lãi, thời điểm tính lãi kể từ ngày xuất hóa đơn cuối cùng cho mỗi cửa hàng (Ngày bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán) đến ngày xét xử, theo mức lãi suất 1.165%/tháng nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử. Nợ lãi tính là 36.340.717 đồng (Tại Bảng kê tính lãi ngày 01/8/2017 của nguyên đơn, bao gồm : Năm 2016 (Từ ngày 31/12/2015 đến ngày 31/12/2016) nợ gốc 139.291.477 đồng (theo bảng đối chiếu công nợ ký tháng 12/2015), tiền lãi là 19.472.940 đồng; năm 2017 nợ gốc 230.361.995 đồng (Theo Bảng tổng hợp công nợ ký ngày 10/01/2017), nợ lãi 16.867.777 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi 200.998.342 đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ.

- Bị đơn ông Võ Thành T4 – Chủ doanh nghiệp tư nhân S, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến. Ông Nguyễn Văn Hùng đại diện theo Giấy ủy quyền số 82/GUQ-DN ngày 20/12/2016 tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/12/2016 và ngày 26/12/2016 yêu cầu thời gian 02 tháng để đối chiếu công nợ và gửi văn bản ý kến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không thực hiện.

Bản án sơ thẩm số 103/2017/KDTM-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Thành T4 – Chủ doanh nghiệp tư nhân S phải thanh toán cho Công ty CP T số nợ tiền hàng còn thiếu theo các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên từ thời điểm năm 2011 đến thời điểm đối chiếu công nợ ngày 31/12/2016 căn cứ Bản tổng hợp công nợ ngày 10/01/2017 với số tiền là 164.657.625 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền hàng tính đến ngày 01/8/2017 là 36.340.717 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười bảy đồng), tổng cộng là 200.998.342 đồng (hai trăm triệu chín trăm chín mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

2. Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 10.049.917 đồng ông Võ Thành T4 – Chủ doanh nghiệp tư nhân S chịu.

Hoàn lại cho Công ty CP T tạm ứng án phí 10.188.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/07204 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo giải thích quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/8/2017 bị đơn ông Võ Thành T4 - Chủ doanh nghiệp tư nhân S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý nợ gốc 164.657.625 đồng, vì không có cơ sở. Bị đơn chỉ đồng ý công nợ theo Phiếu nhập kho, không đồng ý theo hóa đơn GTGT vì bị đơn không ký, không thừa nhận bảng đối chiếu công nợ, không đồng ý tính lãi vì chưa có biên bản thanh lý hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đã thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, như sau :

Ông Võ Thành T4 - Chủ doanh nghiệp tư nhân S có trách nhiệm thanh toán nợ mua bán vớ cotton và vớ da cho Công ty CP T 144.181.246 đồng, như sau: Ngày 15 của mỗi tháng 12/2017 và tháng 01, 3, 4/2018 thanh toán 30.000.000 đồng. Ngày 15/5/2018 thanh toán 24.181.246 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 7.209.062 đồng bị đơn ông Võ Thành T4 - Chủ doanh nghiệp tư nhân S chịu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ được chấp nhận toàn bộ. Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 306 của Luật thương mại năm 2005, Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau.

1. Ông Võ Thành T4 - Chủ doanh nghiệp tư nhân S có trách nhiệm thanh toán nợ mua bán vớ cotton và vớ da cho Công ty CP T 144.181.246 đồng, như sau: Ngày 15 của mỗi tháng 12/2017 và tháng 01, 3, 4/2018 thanh toán 30.000.000 đồng. Ngày 15/5/2018 thanh toán 24.181.246 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 7.209.062 đồng bị đơn ông Võ Thành T4 - Chủ doanh nghiệp tư nhân S chịu.

Hoàn lại cho Công ty CP T tạm ứng án phí 10.188.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2012/07204 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng ông Võ Thành T4 - Chủ doanh nghiệp tư nhân S chịu, khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AG/2014/5506 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N1, Thành phố Hồ Chí Minh, là đã nộp đủ.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận N1;
- Chi cục THADS Quận N1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà